

**CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN VINACONEX -
VIETTEL**

(Thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 02 tháng 12 năm 2008
đến ngày 31 tháng 12 năm 2009



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	7 - 19

20307
ÔNG
NHIỆM
E LOI
IỆT N
ĐA - 1

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Tài chính Cổ phần Vinaconex - Viettel (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 02 tháng 12 năm 2008 đến ngày 31 tháng 12 năm 2009.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Văn Tuấn	Chủ tịch
Ông Hoàng Anh Xuân	Phó Chủ tịch
Ông Lê Văn Lộc	Ủy viên
Ông Lê Văn Bé	Ủy viên
Ông Nguyễn Thành Phương	Ủy viên
Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Ủy viên
Ông Thái Quốc Minh	Ủy viên
Ông Trần Văn Tám	Ủy viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Trần Văn Tám	Tổng Giám đốc
Ông Đoàn Sinh Khiêm	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thành Tô	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 15/07/2009)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và Chế độ báo cáo tài chính áp dụng cho các tổ chức tín dụng theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,


Trần Văn Tám
Tổng Giám đốc

Ngày 20 tháng 01 năm 2010

Số: 08 /Deloitte- AUDHN-RE

BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Kính gửi: **Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc**
Công ty Tài chính Cổ phần Vinaconex - Viettel

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán bằng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Tài chính Cổ phần Vinaconex - Viettel (gọi tắt là "Công ty") cho kỳ hoạt động từ ngày 02 tháng 12 năm 2008 đến 31 tháng 12 năm 2009 (kỳ hoạt động đầu tiên của Công ty). Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong báo cáo của Ban Tổng Giám đốc tại trang 1, Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập các báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thuyết minh trên báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá về việc trình bày các thông tin trên báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 02 tháng 12 năm 2008 đến ngày 31 tháng 12 năm 2009, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán áp dụng cho các tổ chức tín dụng theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.



Trương Anh Hùng
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0029/KTV

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 20 tháng 01 năm 2010
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Đặng Văn Khải
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0758/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

Mẫu số B02/TCTD

Đơn vị: VND

STT	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2009
A	TÀI SẢN		
I	Tiền, vàng gửi tại các tổ chức tín dụng khác và cho vay các tổ chức tín dụng khác	4	2.143.227.346.796
1	Tiền, vàng gửi tại các tổ chức tín dụng khác		2.143.227.346.796
II	Cho vay khách hàng		201.513.985.849
1	Cho vay khách hàng	5	203.036.761.561
2	Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	6	(1.522.775.712)
III	Tài sản cố định		26.440.983.141
1	Tài sản cố định hữu hình	7	26.423.094.252
a	Nguyên giá TSCĐ		27.335.178.665
b	Hao mòn TSCĐ		(912.084.413)
2	Tài sản cố định vô hình		17.888.889
a	Nguyên giá TSCĐ		23.000.000
b	Hao mòn TSCĐ		(5.111.111)
IV	Tài sản Có khác		42.647.352.214
1	Các khoản phải thu	9	24.490.784.474
2	Các khoản lãi, phí phải thu		15.551.713.640
3	Tài sản Có khác		2.604.854.100
TỔNG TÀI SẢN CÓ			2.413.829.668.000



010203
CỘNG HÒA
XÃ HỘI CHỦ NGHĨA
VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 19 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

Mẫu số B02/TCTD

Đơn vị: VND

STT	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2009
B	NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		
I	Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác	10	1.264.000.000.000
1	Tiền gửi của các tổ chức tín dụng khác	10	764.000.000.000
2	Vay các tổ chức tín dụng khác	10	500.000.000.000
II	Các khoản Nợ khác		122.947.492.237
1	Các khoản lãi, phí phải trả		8.044.871.666
2	Các khoản phải trả và công nợ khác	11	114.902.620.571
	Tổng Nợ phải trả		1.386.947.492.237
V	Vốn và các quỹ	12	1.026.882.175.763
1	Vốn của TCTD	12	1.000.000.000.000
a	Vốn điều lệ		1.000.000.000.000
2	Lợi nhuận chưa phân phối	12	26.882.175.763
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU			2.413.829.668.000



Trần Văn Tâm
Tổng Giám đốc

Ngày 20 tháng 01 năm 2010

Nguyễn Thúy Nga
Giám đốc Ban Kế toán Ngân quỹ

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 19 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kỳ hoạt động từ ngày 02/12/2008 đến ngày 31/12/2009

Mẫu số B03/TCTD

Đơn vị: VND

STT	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Kỳ hoạt động từ 02/12/2008 đến 31/12/2009
1	Thu nhập từ lãi và các khoản thu nhập tương tự	13	57.291.565.002
2	Chi phí lãi và các chi phí tương tự	14	13.472.578.772
I	Thu nhập lãi thuần		43.818.986.230
3	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ		162.500.000
4	Chi phí hoạt động dịch vụ		146.786.861
II	Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	15	15.713.139
5	Thu nhập từ hoạt động khác		933.772.037
6	Chi phí hoạt động khác		316.965.216
III	Lãi thuần từ hoạt động khác		616.806.821
IV	Chi phí hoạt động	16	10.300.790.159
V	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng		34.150.716.031
VI	Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng		1.522.775.712
VII	Tổng lợi nhuận trước thuế		32.627.940.319
7	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		5.745.764.556
VIII	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	17	5.745.764.556
IX	Lợi nhuận sau thuế		26.882.175.763
X	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	12	505,705



Ngày 20 tháng 01 năm 2010

Nguyễn Thủy Nga
Giám đốc Ban Kế toán Ngân quỹ

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 19 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 02/12/2008 đến ngày 31/12/2009

Mẫu số B04/TCTD

Đơn vị: VND

STT CHỈ TIÊU

Kỳ hoạt động

từ 02/12/2008

đến 31/12/2009

LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

01	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự nhận được	41.239.851.362
02	Chi phí lãi và các chi phí tương tự đã trả	(5.427.707.106)
03	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ nhận được	15.713.139
05	Thu nhập khác	923.513.964
06	Tiền chi trả cho nhân viên và hoạt động quản lý, công vụ	(8.535.402.671)
	<i>Những thay đổi về tài sản hoạt động</i>	
08	(Tăng) các khoản tiền, vàng gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác	(479.000.000.000)
11	(Tăng) các khoản cho vay khách hàng	(203.036.761.561)
12	(Tăng) khác về tài sản hoạt động	(18.944.172.214)
	<i>Những thay đổi về công nợ hoạt động</i>	
14	Tăng các khoản tiền gửi, tiền vay các tổ chức tín dụng khác	1.264.000.000.000
19	Tăng vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay mà tổ chức tín dụng chịu rủi ro	108.000.000.000
16	Tăng khác về công nợ hoạt động	15.553.670.548
I	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	714.788.705.461

LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ

01	Mua sắm tài sản cố định	(50.561.358.665)
II	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(50.561.358.665)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

01	Tăng vốn cổ phần từ góp vốn hoặc phát hành cổ phiếu	1.000.000.000.000
III	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	1.000.000.000.000
IV	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	1.664.227.346.796
V	Tiền và các khoản tương đương tiền tại thời điểm đầu kỳ	-
VI	Tiền và các khoản tương đương tiền tại thời điểm cuối kỳ	1.664.227.346.796

CHI TIẾT TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

		31/12/2009
	Tiền, vàng gửi tại các tổ chức tín dụng khác (*)	1.664.227.346.796
		1.664.227.346.796

(*) Đây là các khoản tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới 3 tháng bằng VND.

Trần Văn Tám
Tổng Giám đốcNguyễn Thúy Nga
Giám đốc Ban Kế toán Ngân quỹ

Ngày 20 tháng 01 năm 2010

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 19 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 05-TCTD

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Tài chính Cổ phần Vinaconex - Viettel (gọi tắt là "Công ty") được thành lập tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 304/GP-NHNN ngày 14 tháng 11 năm 2008 do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ("NHNNVN") cấp với thời gian hoạt động 50 năm.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 0103028379 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 02/12/2008, ngành nghề kinh doanh của Công ty gồm:

Huy động vốn:

- Nhận tiền gửi có kỳ hạn từ một năm trở lên của các tổ chức, cá nhân theo quy định của Ngân hàng Nhà nước;
- Phát hành trái phiếu, chứng chỉ tiền gửi và các loại giấy tờ có giá khác để huy động vốn của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của Ngân hàng Nhà nước;
- Vay vốn của các tổ chức tài chính, tín dụng trong nước, ngoài nước và các tổ chức tài chính quốc tế;
- Tiếp nhận vốn ủy thác của Chính phủ, của các tổ chức và cá nhân trong và ngoài nước.

Hoạt động tín dụng:

- Cho vay ngắn hạn, trung và dài hạn theo quy định của Ngân hàng Nhà nước; cho vay theo ủy thác của Chính phủ, của tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định hiện hành của Luật các Tổ chức tín dụng và hợp đồng ủy thác, cho vay tiêu dùng bằng hình thức cho vay mua trả góp;
- Chiết khấu, tái chiết khấu, cầm cố thương phiếu và các giấy tờ có giá khác đối với các tổ chức và cá nhân. Công ty Tài chính cổ phần Vinaconex-Viettel và các tổ chức tín dụng khác được tái chiết khấu, cầm cố thương phiếu, trái phiếu và các giấy tờ có giá khác cho nhau;
- Bảo lãnh bằng uy tín và khả năng tài chính của mình đối với người nhận bảo lãnh. Việc bảo lãnh của Công ty Tài chính cổ phần Vinaconex-Viettel phải được thực hiện theo quy định tại Điều 58, Điều 59, Điều 60 Luật các Tổ chức tín dụng và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước;
- Cấp tín dụng dưới các hình thức khác theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.

Mở tài khoản và dịch vụ ngân quỹ:

Mở tài khoản:

- Được mở tài khoản tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước nơi Công ty Tài chính cổ phần Vinaconex-Viettel đặt trụ sở chính và các ngân hàng hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam. Việc mở tài khoản tiền gửi tại ngân hàng ngoài lãnh thổ Việt Nam phải được Ngân hàng Nhà nước cho phép;
- Công ty Tài chính cổ phần Vinaconex-Viettel có nhận tiền gửi phải mở tài khoản tại Ngân hàng Nhà nước và duy trì tại đó số dư bình quân không thấp hơn mức quy định của Ngân hàng Nhà nước.

Dịch vụ ngân quỹ:

Công ty Tài chính cổ phần Vinaconex-Viettel được thực hiện dịch vụ thu và phát tiền mặt cho khách hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 05-TCTD

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (Tiếp theo)

Các hoạt động khác:

- Góp vốn, mua cổ phần của các doanh nghiệp và các tổ chức tín dụng khác;
- Đầu tư cho các dự án theo hợp đồng;
- Tham gia thị trường tiền tệ;
- Thực hiện các dịch vụ kiều hối, kinh doanh vàng;
- Làm đại lý phát hành trái phiếu, cổ phiếu và các loại giấy tờ có giá cho các doanh nghiệp;
- Được quyền nhận ủy thác, làm đại lý trong các lĩnh vực liên quan đến tài chính, ngân hàng, bảo hiểm và đầu tư, kể cả việc quản lý tài sản, vốn đầu tư của các tổ chức, cá nhân theo hợp đồng;
- Cung cấp dịch vụ tư vấn về ngân hàng, tài chính, tiền tệ, đầu tư cho khách hàng;
- Cung cấp dịch vụ bảo quản hiện vật quý, giấy tờ có giá, cho thuê tủ két, cầm đồ và các dịch vụ khác;
- Thực hiện một số hoạt động ngoại hối theo quy định hiện hành về quản lý ngoại hối;
- Thực hiện nghiệp vụ bao thanh toán theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, Công ty có 28 nhân viên.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỲ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán áp dụng cho các tổ chức tín dụng theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính này được lập cho kỳ hoạt động đầu tiên của Công ty từ ngày 02 tháng 12 năm 2008 ("Ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh") đến ngày 31 tháng 12 năm 2009.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán áp dụng cho các tổ chức tín dụng theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các khoản công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong kỳ kế toán. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có tính thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền mặt xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu số B 05-TCTD

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Các khoản cho vay và thu từ lãi

Các khoản cho vay được ghi nhận theo số nợ gốc trừ các khoản nợ đã xóa và dự phòng các khoản phải thu khó đòi.

Thu từ lãi được ghi nhận dựa trên phương pháp dự thu đối với các khoản nợ xác định là có khả năng thu hồi cả gốc, lãi đúng thời hạn và không phải trích dự phòng rủi ro cụ thể theo quy định hiện hành. Đối với số lãi phải thu đã hạch toán thu nhập nhưng đến kỳ hạn trả nợ (gốc, lãi) khách hàng không trả được đúng hạn, tổ chức tín dụng hạch toán vào chi phí hoạt động kinh doanh và theo dõi ngoại bảng để đôn đốc thu, khi thu được thì hạch toán vào thu hoạt động kinh doanh.

Số lãi phải thu phát sinh trong kỳ của các khoản nợ còn lại không phải hạch toán thu nhập, tổ chức tín dụng theo dõi ngoại bảng để đôn đốc thu, khi thu được thì hạch toán vào thu hoạt động kinh doanh.

Dự phòng các khoản cho vay và ứng trước, các khoản cam kết

Dự phòng các khoản cho vay và ứng trước, các khoản cam kết được trích lập dựa trên ước tính của Ban Tổng Giám đốc cho các khoản cho vay, các khoản cam kết khó có khả năng thu hồi phù hợp với các quy định của Quyết định số 493/2005/QĐ-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành ngày 22 tháng 4 năm 2005 và Quyết định số 18/2007/QĐ-NHNN do Ngân hàng Nhà nước ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2007 về sửa đổi bổ sung một số điều của Quy định về phân loại nợ, trích lập và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng.

Dự phòng cụ thể cho các khoản cho vay và ứng trước tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán (ngày 31 tháng 12 năm 2009) được xác định dựa trên việc sử dụng các tỷ lệ dự phòng sau đây đối với các khoản cho vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 sau khi đã trừ đi giá trị tài sản thế chấp:

Nhóm	Tình trạng quá hạn	Tỷ lệ dự phòng
1	Nợ đủ tiêu chuẩn	0%
2	Nợ cần chú ý	5%
3	Nợ dưới tiêu chuẩn	20%
4	Nợ nghi ngờ	50%
5	Nợ có khả năng mất vốn	100%

Dự phòng chung cho các khoản cho vay và ứng trước, các khoản cam kết được yêu cầu trích lập theo tỷ lệ 0,75% trên giá trị thuần của các khoản đó. Giá trị thuần bao gồm giá trị các khoản cho vay (sau khi trừ đi các khoản cho vay đã được lập dự phòng 100%), giá trị các khoản cam kết tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Khoản dự phòng chung này sẽ được trích lập đủ trong vòng 5 năm kể từ ngày Quyết định số 493/2005/QĐ-NHNN có hiệu lực (ngày 05/05/2005).

Dự phòng cho các khoản cho vay và ứng trước, các khoản cam kết được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, bao gồm các khoản nợ đã xóa trong kỳ, thu từ các khoản nợ khó đòi đã xóa trong các năm trước và chi phí dự phòng kỳ này.

Tính đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2009, Công ty đã trích lập dự phòng chung với tỷ lệ 0,75% trên tổng dư Nợ cho vay và ứng trước được phân loại từ nhóm 1 đến nhóm 4 và 0,75% trên số dư các khoản bảo lãnh thu tín dụng và cam kết cho vay không hủy ngang.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 05-TCTD***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu thường được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm chi phí phát sinh. Trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng các chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản, chi tiết như sau:

Loại tài sản	Thời gian hữu dụng ước tính
Nhà cửa, vật kiến trúc	35 năm
Phương tiện vận tải	7 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 5 năm

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm máy tính.

Phần mềm máy tính được ghi nhận theo giá mua phần mềm máy tính mới, mà phần mềm này không phải là một bộ phận không thể tách rời phần cứng có liên quan. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.

Các cam kết và bảo lãnh ngoài bảng cân đối kế toán

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, tại bất kỳ thời điểm nào Công ty luôn có các khoản cam kết tín dụng chưa thực hiện. Các khoản cam kết này ở dưới dạng các khoản cho vay và thấu chi đã được phê duyệt. Các giao dịch này được ghi nhận vào báo cáo tài chính khi được thực hiện hay các khoản phí liên quan phát sinh hoặc thu được.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại tiền tệ khác với VND được chuyển đổi sang VND theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các tài sản và công nợ có gốc tiền tệ khác với VND tại ngày lập báo cáo tài chính được chuyển đổi sang VND theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các tài khoản này được hạch toán vào khoản mục doanh thu hoặc chi phí trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp dồn tích.

Phí dịch vụ hoặc hoa hồng được ghi nhận khi phát sinh hoặc thực hiện.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 05-TCTD

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là khoản chi phí trong kỳ khi các chi phí này phát sinh và được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp dồn tích.

Các bên liên quan

Các bên liên quan bao gồm các cổ đông và các bên liên quan của các cổ đông.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN, VÀNG GỬI TẠI CÁC TCTD KHÁC VÀ CHO VAY CÁC TCTD KHÁC

	31/12/2009
	VND
Tiền, vàng gửi tại các tổ chức tín dụng khác	
Tiền, vàng gửi không kỳ hạn	4.227.346.796
- Bằng VND	4.227.346.796
Tiền, vàng gửi có kỳ hạn	2.139.000.000.000
- Bằng VND	2.139.000.000.000
	<u>2.143.227.346.796</u>
Tổng tiền, vàng gửi tại các TCTD khác và cho vay các TCTD khác	<u>2.143.227.346.796</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 05-TCTD

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

5. CHO VAY KHÁCH HÀNG

	31/12/2009
	VND
Cho vay các tổ chức kinh tế, cá nhân trong nước	203.036.761.561
	<u>203.036.761.561</u>

Phân tích chất lượng nợ cho vay

	31/12/2009
	VND
Nợ đủ tiêu chuẩn	203.036.761.561
	<u>203.036.761.561</u>

Phân tích dư nợ theo thời gian

	31/12/2009
	VND
Nợ ngắn hạn	53.036.761.561
Nợ trung hạn và dài hạn	150.000.000.000
	<u>203.036.761.561</u>

Phân tích dư nợ theo đơn vị tiền tệ

	31/12/2009
	VND
Cho vay bằng VND	203.036.761.561
	<u>203.036.761.561</u>

Phân tích dư nợ theo đối tượng khách hàng và theo loại hình doanh nghiệp

	31/12/2009
	VND
Cho vay các tổ chức kinh tế là các Công ty cổ phần	203.036.761.561
	<u>203.036.761.561</u>

Phân tích dư nợ theo ngành kinh tế

	31/12/2009
	VND
Xây dựng và bất động sản	53.036.761.561
Vận tải và truyền thông	150.000.000.000
	<u>203.036.761.561</u>

6. DỰ PHÒNG RỦI RO CHO VAY KHÁCH HÀNG

	Dự phòng chung VND	Dự phòng cụ thể VND
<u>Từ 02/12/2008 đến 31/12/2009</u>		
Số dư đầu kỳ	-	-
Dự phòng rủi ro trích lập trong kỳ/(Hoàn nhập dự phòng trong kỳ)	1.522.775.712	-
Số dư cuối kỳ	<u>1.522.775.712</u>	<u>-</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 05-TCTD

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

7. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá				
Tại ngày 02/12/2008	-	-	-	-
Mua trong kỳ	25.005.000.000	2.173.736.000	156.442.665	27.335.178.665
Tại ngày 31/12/2009	25.005.000.000	2.173.736.000	156.442.665	27.335.178.665
Giá trị hao mòn lũy kế				
Tại ngày 02/12/2008	-	-	-	-
Khấu hao trong kỳ	773.964.286	112.097.053	26.023.074	912.084.413
Tại ngày 31/12/2009	773.964.286	112.097.053	26.023.074	912.084.413
Giá trị còn lại				
Tại ngày 31/12/2009	24.231.035.714	2.061.638.947	130.419.591	26.423.094.252
Tại ngày 02/12/2008	-	-	-	-

8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm vi tính VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá		
Tại ngày 02/12/2008	-	-
Mua trong kỳ	23.000.000	23.000.000
Tại ngày 31/12/2009	23.000.000	23.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế		
Tại ngày 02/12/2008	-	-
Khấu hao trong kỳ	5.111.111	5.111.111
Tại ngày 31/12/2009	5.111.111	5.111.111
Giá trị còn lại		
Tại ngày 31/12/2009	17.888.889	17.888.889
Tại ngày 02/12/2008	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 05-TCTD

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

9. CÁC KHOẢN PHẢI THU VÀ TÀI SẢN CÓ KHÁC

	31/12/2009 VND
Các khoản phải thu	24.490.784.474
- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang (*)	23.203.180.000
- Các khoản phải thu nội bộ	787.604.474
- Các khoản phải thu bên ngoài	500.000.000
	<u><u>24.490.784.474</u></u>
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	23.203.180.000
- Mua sắm tài sản cố định	23.203.180.000
Các tài sản Có khác	2.604.854.100
- Chi phí chờ phân bổ	2.178.430.724
- Các tài sản Có khác	426.423.376

(*) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang là khoản thanh toán theo Hợp đồng mua bán diện tích kinh doanh thương mại dịch vụ, văn phòng tại tầng 2, tòa nhà 25T1, dự án Cụm chung cư ở hỗn hợp cao tầng tại lô N05 thuộc dự án Khu đô thị Đông Nam đường Trần Duy Hưng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội với Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Xây dựng Việt Nam. Tổng giá trị hợp đồng là 42.187.600.000 đồng (đã bao gồm 10% thuế GTGT và 2% kinh phí bảo trì).

10. TIỀN, VÀNG GỬI VÀ VAY CÁC TCTD KHÁC

	31/12/2009 VND
Tiền, vàng gửi của các tổ chức tín dụng khác	
Tiền, vàng gửi có kỳ hạn	764.000.000.000
- Bằng VND	<u>764.000.000.000</u>
	<u><u>764.000.000.000</u></u>
Vay các tổ chức tín dụng khác	
- Bằng VND	500.000.000.000
	<u>500.000.000.000</u>
Tổng tiền, vàng gửi và vay các TCTD khác	<u><u>1.264.000.000.000</u></u>

11. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VÀ CÔNG NỢ KHÁC

	31/12/2009 VND
Các khoản phải trả và công nợ khác	114.902.620.571
- Các khoản phải trả bên ngoài (*)	114.902.620.571
	<u><u>114.902.620.571</u></u>

(*) Tổng số dư trên bao gồm 108 tỷ đồng là số dư các hợp đồng Công ty nhận ủy thác quản lý vốn của các tổ chức kinh tế để hưởng lãi suất, không chia sẻ rủi ro.

CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN VINACONEX - VIETTEL

Tầng 1, Nhà 18T2, Khu Đô thị Trung Hòa - Nhân Chính

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động từ ngày 02/12/2008 đến ngày 31/12/2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 05-TCTD***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***12. VỐN VÀ QUỸ CỦA TỔ CHỨC TÍN DỤNG**

	<u>Vốn điều lệ</u>	<u>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</u>	<u>Cộng</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Số dư đầu kỳ	-	-	-
Tăng trong kỳ	1.000.000.000.000	26.882.175.763	1.026.882.175.763
- Tăng vốn trong kỳ	1.000.000.000.000	-	1.000.000.000.000
- Lợi nhuận tăng trong kỳ	-	26.882.175.763	26.882.175.763
Giảm trong kỳ	-	-	-
Số dư cuối kỳ	<u>1.000.000.000.000</u>	<u>26.882.175.763</u>	<u>1.026.882.175.763</u>

Vốn điều lệ của Công ty là 1.000 tỷ đồng. Trong đó, tỷ lệ góp vốn như sau:

	<u>Vốn góp</u>	<u>Tỷ lệ</u>
	<u>VND</u>	<u>%</u>
Cổ đông sáng lập:	700.000.000.000	70%
Tổng Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam - Vinaconex	330.000.000.000	33%
Tổng Công ty Viễn thông Quân đội - Viettel	320.000.000.000	32%
Công ty bảo hiểm Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	50.000.000.000	5%
Cổ đông khác:	300.000.000.000	30%
Cổ đông pháp nhân	205.000.000.000	21%
Công đồng thể nhân	95.000.000.000	9%
Tổng vốn điều lệ đã góp	1.000.000.000.000	100%

LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	<u>Đơn vị</u>	<u>Kỳ hoạt động từ 02/12/2008 đến 31/12/2009</u>
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	VND	26.882.175.763
Số cổ phiếu đầu kỳ	Cổ phần	1.000.000.000
Số cổ phiếu phát hành thêm	Cổ phần	-
Số cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ		53.157.865
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VND	505.705

CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN VINACONEX - VIETTEL

Tầng 1, Nhà 18T2, Khu Đô thị Trung Hòa - Nhân Chính

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động từ ngày 02/12/2008 đến ngày 31/12/2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 05-TCTD***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***13. THU NHẬP LÃI VÀ CÁC KHOẢN THU NHẬP TƯƠNG TỰ**

	Kỳ hoạt động từ 02/12/2008 đến 31/12/2009 VND
Thu nhập lãi tiền gửi	51.469.048.601
Thu nhập lãi cho vay khách hàng	5.822.516.401
	<u>57.291.565.002</u>

14. CHI PHÍ LÃI VÀ CÁC CHI PHÍ TƯƠNG TỰ

	Kỳ hoạt động từ 02/12/2008 đến 31/12/2009 VND
Trả lãi tiền gửi	5.501.176.671
Trả lãi tiền vay	5.064.578.804
Chi phí hoạt động tín dụng khác	2.906.823.297
	<u>13.472.578.772</u>

15. LÃI THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ

	Kỳ hoạt động từ 02/12/2008 đến 31/12/2009 VND
Thu từ dịch vụ tư vấn	162.500.000
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	162.500.000
Chi về dịch vụ thanh toán	66.786.861
Chi về dịch vụ tư vấn	80.000.000
Chi phí từ hoạt động dịch vụ	146.786.861
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	<u>15.713.139</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 05-TCTD

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

16. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG

	Kỳ hoạt động từ 02/12/2008 đến 31/12/2009 VND
Chi nộp thuế và các khoản phí, lệ phí	75.752.381
Chi phí cho nhân viên	6.575.344.509
Trong đó:	
- Chi lương và phụ cấp	6.141.871.509
- Chi trang phục giao dịch và phương tiện bảo hộ lao động	500.000
- Các khoản chi đóng góp theo lương	297.773.000
- Chi ăn ca cho cán bộ, nhân viên TCTD	135.200.000
Chi về tài sản	984.470.375
Trong đó: Khấu hao Tài sản cố định	610.488.381
Chi cho hoạt động quản lý công vụ	2.665.222.894
	<u>10.300.790.159</u>

17. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Kỳ hoạt động từ 02/12/2008 đến 31/12/2009 VND
Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp	32.627.940.319
Các khoản mục điều chỉnh:	
Trừ: Thu nhập được miễn thuế TNDN	-
Cộng: Chi phí không được khấu trừ khi xác định lợi nhuận tính thuế	205.000.000
Thu nhập chịu thuế	<u>32.832.940.319</u>
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế	<u>8.208.235.080</u>
Miễn/giảm thuế TNDN được hưởng (*)	<u>(2.462.470.524)</u>
Chi phí thuế TNDN	<u>5.745.764.556</u>

(*) Theo Thông tư số 03/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 13 tháng 1 năm 2009, Công ty thỏa mãn tiêu chuẩn về Các doanh nghiệp nhỏ và vừa, do đó Công ty được giảm 30% chi phí thuế TNDN hiện hành đối với năm 2009.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 05-TCTD***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***18. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong quá trình hoạt động kinh doanh ngân hàng, Công ty có thực hiện giao dịch với các bên liên quan (các cổ đông, các công ty được Công ty đầu tư vốn, Hội đồng Quản trị và các cán bộ của Công ty, gia đình họ và các công ty do họ làm chủ) là khách hàng của Công ty trong kỳ. Các điều khoản của những giao dịch này do Ban Lãnh đạo Công ty phê duyệt.

Số dư các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan tại ngày 31/12/2009 như sau:

	<u>31/12/2009</u>
	VND
Các nhà đầu tư	
Các khoản ủy thác đầu tư	80.000.000.000
Chi phí tiền lãi và các khoản có tính chất lãi	1.599.305.556
Các Công ty trong cùng Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Xây dựng Việt Nam	
Các khoản cho vay và ứng trước	203.036.761.561
Các khoản ủy thác đầu tư	28.000.000.000
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	423.595.589
Chi phí lãi và các khoản chi phí tương tự	325.372.778

Giao dịch với các bên liên quan phát sinh trong kỳ hoạt động từ ngày 02 tháng 12 năm 2008 đến ngày 31 tháng 12 năm 2009 như sau:

	<u>Kỳ hoạt động từ 02/12/2008 đến 31/12/2009</u>
	VND
Các nhà đầu tư	
Mua sắm tài sản cố định	48.208.180.000
Chi phí lãi và các khoản chi phí tương tự	297.083.333
Các Công ty trong cùng Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Xây dựng Việt Nam	
Chi phí lãi và các khoản chi phí tương tự	893.250.556
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	1.517.678.921
Ban Kiểm soát	
Thù lao của Ban Kiểm soát	64.733.333
Hội đồng Quản trị	
Thù lao của Hội đồng Quản trị	205.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 05-TCTD

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

19. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Không có bất kỳ sự kiện quan trọng nào khác cần điều chỉnh hoặc thuyết minh trên báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 02 tháng 12 năm 2008 đến ngày 31 tháng 12 năm 2009.

20. SỐ LIỆU SO SÁNH

Đây là báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động đầu tiên của Công ty nên không có số liệu so sánh.
